

CÔNG TY CP CAO SU ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Quý III năm 2008

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	437,692,790,497	536,654,092,072
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	36,039,498,888	18,801,721,177
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6,600,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	151,669,643,976	121,146,100,961
4	Hàng tồn kho	240,136,588,798	380,182,094,712
5	Tài sản ngắn hạn khác	9,847,058,835	9,924,175,222
II	Tài sản dài hạn	146,714,755,494	182,431,512,914
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	140,181,317,804	150,270,203,392
	- Tài sản cố định vô hình	791,638,560	791,638,560
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,840,323,800	27,752,804,232
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	716,296,330	773,687,730
5	Tài sản dài hạn khác	3,185,179,000	2,843,179,000
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	584,407,545,991	719,085,604,986
IV	Nợ phải trả	375,874,139,912	507,753,884,054
1	Nợ ngắn hạn	261,801,996,675	409,719,984,549
2	Nợ dài hạn	114,072,143,237	98,033,899,505
V	Vốn chủ sở hữu	208,533,406,079	211,331,720,932

1	Vốn chủ sở hữu	208,596,043,250	209,523,547,305
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	130,385,520,000	153,846,240,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	3,281,000,000	3,281,000,000
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	3,987,260,000	5,543,922,169
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	70,942,263,250	46,852,385,136
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-62,637,171	1,808,173,627
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-62,637,171	1,808,173,627
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	584,407,545,991	719,085,604,986

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Quý III năm 2008	Lũy kế từ đầu năm
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	290,486,950,191	1,049,330,350,803
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5,325,940,790	17,965,819,941
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	285,161,009,401	1,031,364,530,862
4	Giá vốn hàng bán	242,355,528,394	908,308,129,466
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	42,805,481,007	123,056,401,396
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,544,607,075	5,149,274,964
7	Chi phí tài chính	25,274,027,969	45,161,665,111
8	Chi phí bán hàng	9,357,955,902	25,977,499,999
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,047,525,127	14,914,009,786
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6,670,579,084	42,152,501,464
11	Thu nhập khác	1,134,067,862	2,478,915,718

12	Chi phí khác		74,546,814
13	Lợi nhuận khác	1,134,067,862	2,404,368,904
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,804,646,946	44,556,870,368
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,804,646,946	44,556,870,368
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (*)		

Ngày 20 tháng 10 năm 2008
TỔNG GIÁM ĐỐC